

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 03/2022/HS-PT
Ngày: 04-01-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông; Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2021/TLPT-HS ngày 19 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Đặng Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2021/HS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Bị cáo có kháng cáo: **Đặng Văn Đ** (tên gọi khác: Đặng Trường S, Đặng Phước Đ), sinh năm 1950 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Th (đã chết) và bà Huỳnh Thị S (đã chết); vợ: Phạm Thị Ph; có 03 người con lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1983; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Võ Vũ L là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 12/9/2019, ông Đặng Văn Đ1 có tổ chức uống rượu tại nhà cùng với Đặng Minh T cư trú cùng ấp. Đến khoảng 20 giờ 00 cùng ngày thì có Đặng Văn Đ và Lê Th đến cùng tham gia uống rượu. Do có mâu thuẫn từ trước về việc ông Đ nói sẽ chôn cất mẹ mình sau khi chết trên phần đất của bà ngoại T nên trong lúc uống rượu giữa T và Đ xảy ra cự cãi, lúc này T dùng những lời lẽ thô tục chửi Đ và nói: Đ.M không cho chôn và đòi đánh chết mẹ ông bây giờ. Do bức tức vì

cho rằng T nhỏ mà hồn láo nên Đ mới lấy cây chổi để đánh T thì được ông Đ1 giật lại, không dừng lại ở đó Đ đi đến chỗ ông Th ngồi lấy 01 cái chén sứ (loại chén kiểu) có hoa văn màu đỏ, đường kính miệng chén 12cm, nặng khoảng 200 gam có sẵn trên bàn ném trúng vào vùng trán và mắt trái của T gây thương tích rồi bỏ đi về nhà, T được mọi người đưa đi cấp cứu và Đặng Minh T đã đến trình báo với Công an xã P toàn bộ vụ việc.

Vật chứng thu giữ: nhiều mảnh vỡ của chén bằng sứ (loại chén kiểu) hình dạng không xác định được, trọng lượng 180 gam, đã được đối chiếu với loại chén ở nhà Đặng Văn Đ1 và bị cáo Đ thừa nhận sử dụng loại chén này để gây thương tích cho T.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 265-1019/TgT ngày 18/10/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận: Dấu vết chính qua giám định: Mắt phải 7/10; Mắt trái: Bóng bàn tay, vết thương mi trên rách giác mạc, rách củng mạc, phôi hắc mạc qua vết rách củng mạc, tiền phòng xẹp, võ thủy tinh thể. Kết quả khám chuyên khoa mắt: Mắt phải thị lực 7/10; mắt trái sáng tối: âm tính. Hai vết thương vùng trán trái đã lành sẹo, kích thước 0,5x0,1cm. Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho Đặng Minh T là 47%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 02/20/TgT ngày 25/12/2019 của Phân Viện Pháp y quốc gia - Bộ Y tế - tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: dấu hiệu chính qua giám định: sẹo lớn vùng mắt trái, ảnh hưởng thẩm mỹ, mù mắt trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Đặng Minh T là 47%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 74/2021/HS-ST ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Đặng Văn phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/9/2021, bị cáo Đặng Văn Đ kháng cáo yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bị cáo là người có nhân thân tốt, luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật ở địa phương, bị cáo là thương binh và đã trên 70 tuổi, vết thương thường hay tái phát, phải uống thuốc hàng ngày, không đủ sức khỏe để chấp hành án. Nguyên nhân dẫn đến vụ án xảy ra thì bị hại cũng có một phần lỗi. Bị cáo bị cấp sơ thẩm xử phạt 03 năm tù, không bị kháng cáo kháng nghị tăng nặng hình phạt nên bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo do bị cáo rất ăn năn hối hận, hiện đang thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc ban hành cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là quá thời hạn quy định tại Điều 240 của Bộ luật Tố tụng hình sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thời hạn truy tố, nhưng vẫn còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án theo trình tự sơ thẩm là phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: xuất phát từ việc cự cãi qua lại với nhau trong tiệc rượu nên khoảng 20 giờ 10 phút ngày 12 tháng 9 năm 2019, bị cáo sử dụng

chén kiểu bằng sứ nặng 180 gam, rắn chắc ném trúng vào vùng mắt trái của anh T gây mù mắt trái, được tổ chức giám định pháp y kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích là 47%. Theo luật định, chén sứ kiểu là vật rắn chắc khi tác động với một lực mạnh vào vùng hiểm yếu trên đầu của con người có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe. Vì vậy, chén sứ mà bị cáo sử dụng ném vào vùng mặt của bị hại được xác định là hung khí nguy hiểm. Mặc dù tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại là 47%, song bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho bị hại, cho nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Đặng Văn Đ phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm b, s và x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 03 năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo nộp bản sao chụp sổ khám bệnh của Bệnh viện tâm thần tỉnh Bến Tre, trong đó có 3 đơn thuốc thể hiện tình trạng bệnh lý của bị cáo như: rối loạn tâm thần và hành vi do **sử dụng rượu**; rối loạn giấc ngủ không thực tồn; cơn thiếu máu não thoáng qua và hội chứng liên quan; rối loạn tâm thần khác do tổn thương và rối loạn chức năng não và do bệnh cơ thể. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nộp thêm Đơn xác nhận hoàn cảnh nhân thân có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại Tòa án cấp phúc thẩm được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Tuy nhiên, theo đơn thuốc của Bệnh viện tâm thần thể hiện bị cáo có bị rối loạn tâm thần và hành vi do **sử dụng rượu** thì theo quy định tại Điều 13 Bộ Luật hình sự vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã 70 tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự là thiếu sót. Vì vậy, cần xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo là phù hợp và cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, song bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, gây mù mắt trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại là 47%, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần, thẩm mỹ, sinh hoạt và khả năng lao động của bị hại không những ở hiện tại mà còn ở tương lai. Mặt khác, tổng số tiền mà bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại là 107.708.000 đồng, nhưng bị cáo mới chỉ nộp tiền bồi thường cho cơ

quan có thẩm quyền 30.000.000 đồng trong giai đoạn điều tra. Sau khi xét xử sơ thẩm cho đến nay, bị cáo cũng chưa có thiện chí để tiếp tục bồi thường số tiền còn lại khá nhiều cho bị hại là chưa thể hiện thật sự ăn năn hối cải, nhằm bù đắp tổn thương về thể chất và tinh thần cho nạn nhân. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để cho bị cáo hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo, đề nghị của người bào chữa và kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo không phải chịu do sửa án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Đặng Văn Đ** (tên gọi khác: Đặng Trường S, Đặng Phước Đ) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Bị cáo Đặng Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân H. C (3b);
- Công an và VKSND H. C (2b);
- Chi cục THADS H. C (1b);
- UBND xã P, huyện C (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn